

---

## THƯ VIỆN GẮN LIỀN VỚI CÔNG NGHỆ THÔNG TIN

---

NGUYỄN MINH HIỆP, BA., MS.

### QUAN ĐIỂM “THƯ VIỆN GẮN LIỀN VỚI CÔNG NGHỆ THÔNG TIN” ĐỐI VỚI THƯ VIỆN THẾ GIỚI VÀ THỰC TRẠNG VIỆT NAM.

Từ 3-5/11/1997, tôi tham dự “Hội thảo về tài nguyên thông tin thư viện đại học cho vốn tri thức Đông Nam Á – Colloquium on Academic Library Information Resources for Southeast Asian Scholarship” tại Thư viện ĐH Malaya, Malaysia. Trong phần kết luận, Hội thảo đã đúc kết một ý tưởng mang tính đột phá: “Nhờ gắn liền với công nghệ thông tin mà thư viện thế giới nói chung và thư viện đại học nói riêng đang phát triển với một tốc độ nhanh chưa từng thấy”. Cũng đã có một đúc kết tương tự như vậy tại cuộc Hội thảo “Quản lý thư viện đại học trong tương lai – The Future of the Academic Library Management” của Hội đồng Anh tại ĐH East Anglia, Norwich, Anh Quốc từ 22-24/3/1998. Có ba đại biểu Việt Nam tham dự là TS. Mai Hà từ Hà Nội, ThS. Diệp Kim Chi từ Cần Thơ và tôi từ TP. HCM. Sau đó tại cuộc Hội thảo “Tăng cường các dịch vụ thông tin thư viện thông qua sự hợp tác toàn cầu của OCLC” của Câu lạc bộ Thư viện tại Thư viện ĐH Khoa học Tự nhiên vào ngày 24/01/2002, Ông Andrew H. Wang, Giám đốc điều hành OCLC (Online Computer Library Center) khu vực Châu Á-Thái Bình Dương đã nói: “Hoạt động thư viện là luôn hướng về phía trước, WEB là công nghệ hiện nay và phía trước của ngành thông tin - thư viện”. nhằm nhấn mạnh vai trò vô cùng quan trọng của Công nghệ Thông tin (CNTT) đối với hoạt động Thông tin – Thư viện (TT-TV).

Tuy nhiên, mặc dù có nhiều cố gắng, tại thời điểm đó trong công việc điều hành Câu lạc bộ Thư viện và về sau là Liên hiệp Thư viện Đại học Phía Nam (FESAL), chúng tôi không thể chia sẻ ý tưởng quá mới mẻ này với đại đa số đồng nghiệp trong nước. Trong khi đó thật là thú vị khi trao đổi ý tưởng này với Cô Gaynor Mumpher, vị giám đốc Hội đồng Anh đầu tiên tại TP. HCM. Cô Mumpher cho tôi biết rằng, trong mùa hè 1996, Hội đồng Anh Hà Nội đã tổ chức hai khóa tập huấn “Phát triển chương trình giảng dạy quản lý thông tin tại Việt Nam” do bà Margaret K. Willis, Trưởng Khoa Thông tin học của Trường Quản lý Thông tin thuộc Trường ĐH Tin học thuộc ĐH Brighton giảng dạy tại Trung tâm Thông tin Khoa học Công nghệ Quốc gia ở Hà Nội và Trung tâm Thông tin Khoa học Công nghệ TP. HCM. Theo cô Mumpher, hai khóa học đó dường như không đạt được kết quả mong muốn vì đối với đồng nghiệp Việt Nam lúc đó là quá mới mẻ khi đưa nhiều ứng dụng CNTT trong quản lý TT-TV và nhất là ý tưởng giảng dạy TT-TV trong môi trường CNTT. Tôi đã gợi ý với cô Mumpher và đề nghị Hội đồng Anh nên tổ chức một đoàn chuyên viên TT-TV Việt Nam tham quan tận mắt những cơ sở đào tạo TT-TV trong môi trường CNTT ở Vương quốc Anh.

Tháng 3/1998, Hội đồng Anh đã tổ chức một đoàn du khảo (study tour) gồm có 8 chuyên viên: Tạ Bá Hưng, Nguyễn Sĩ Lộc, Cao Minh Kiểm (TT Thông tin KH-CN

Quốc gia), Trần Thị Minh Nguyệt (ĐH Văn hóa Hà Nội), Trần Thị Thu Thủy, Lương Mai Em (TT Thông tin KH-CN TP. HCM.), Phạm Thị Minh Tâm (ĐH Văn hóa TP. HCM), và tôi (ĐH Khoa học Tự Nhiên TP. HCM). Chương trình du khảo từ 12/3 đến 21/3/1998. Theo Hội đồng Anh, chuyến du khảo này là tiếp nối chương trình tập huấn **“Phát triển chương trình giảng dạy quản lý thông tin tại Việt Nam”** năm 1996, cho nên chủ yếu là chúng tôi được tập huấn và hướng dẫn đi tham quan ba cơ sở đào tạo TT-TV trong môi trường CNTT. Đó là các Trường Quản lý Thông tin (School of Information Management) trực thuộc các Trường ĐH Tin học (Faculty of Computer Science) của ĐH Brighton, ĐH University College London ở thủ đô Luân Đôn và ĐH Queen Margaret ở thành phố Edinburgh, Scotland.

Ngoài nước Anh, năm 2002, anh Hà Lê Hùng, Giám đốc Trung tâm học liệu ĐH Đà Nẵng và tôi đã chủ động đến tham quan ĐH Công nghệ Nanyang (NTU) của Singapore để tìm hiểu kỹ chương trình giảng dạy TT-TV của Khoa Thông tin học (Information Studies) thuộc Trường Truyền thông và Thông tin (School of Communication and Information). Năm 2006, đoàn lãnh đạo ĐHQG TP. HCM và tôi viếng thăm ĐH Victoria ở thủ đô Wellington của New Zealand và đã tìm hiểu việc giảng dạy TT-TV trong Trường Thương mại điện tử (School of e-Business) thuộc đại học này.

Như thế qua thực tế, chúng ta có thể nhận định rõ rằng Thư viện gắn liền với CNTT là điều tất yếu. Chính điều này đã làm thay đổi bộ mặt thư viện đáng kể. Trong đó việc giảng dạy TT-TV trong môi trường CNTT là nổi bật nhất và đối với Thư viện thế giới đây cũng là điều kiện tiên quyết để thay đổi bộ mặt hoạt động TT-TV trong hơn một thập niên của thế kỷ này. Giới chuyên môn đã khẳng định rằng **“Đã có một cuộc cách mạng trong chương trình đào tạo ngành TT-TV”**. Từ ngành học mang tính học thuật (academic) và nghiên cứu (study) đã trở thành ngành học mang tính công nghệ (technology) và chuyên nghiệp (professional). Cụ thể ở Hoa Kỳ từ cuối thập niên 1970, bằng Thạc sĩ của ngành này đã đổi từ MA (Master of Arts) of Librarianship tức là Thạc sĩ giáo khoa Thư viện học thành MS (Master of Science) of Library and Information Science tức là Thạc sĩ khoa học Khoa học Thông tin học và Thư viện.

Tôi xin nhắc lại ý tưởng mang tính đột phá ở trên: **“Nhờ gắn liền với công nghệ thông tin mà thư viện thế giới nói chung và thư viện đại học nói riêng đang phát triển với một tốc độ nhanh chưa từng thấy”**. Có nghĩa rằng cả Thư viện thế giới đang chạy với tốc độ phát triển của CNTT thì Thư viện Việt Nam cứ nhẩn nha **“Từng bước phát triển”**.

Trong bối cảnh đó, tháng 8 năm 2011 Dự thảo Luật Thư viện ra đời với sự thông qua của toàn thể Thư viện phía Bắc. Tuy nhiên đã gặp sự chống đối của Thư viện đại học phía Nam tại Hội thảo **“Góp ý Dự thảo Luật Thư viện”** do Vụ Thư viện tổ chức tại Trường ĐH Khoa học Tự nhiên TP. HCM vào ngày 31/8/2011. Và cao điểm vào ngày 9/3/2012, tại Hội nghị **“Lấy ý kiến chuyên gia về tình hình thực hiện chính sách pháp luật về thư viện phục vụ thẩm tra Luật Thư viện”** được tổ chức tại Văn

phòng Quốc hội, tôi đã trình bày bài tham luận **“Khoa học thông tin và thư viện”** dài hơn 1 tiếng đồng hồ để chứng minh cho mọi người thấy rằng *“Chúng ta cần có Luật Thư viện, nhưng tại thời điểm này, Thư viện Việt Nam còn quá khác biệt với cộng đồng thế giới; ngay trong nước chưa có sự đồng nhất; quan điểm về loại hình thư viện hoàn toàn xa với thực tế phát triển thư viện; việc đào tạo chưa đổi mới. Tóm lại Luật chưa nên ra trong thời điểm này”*. Luật Thư viện chưa ra.

## **TÁC ĐỘNG CƠ BẢN CỦA VIỆC “THƯ VIỆN GẮN LIỀN VỚI CÔNG NGHỆ THÔNG TIN” ĐỐI VỚI THƯ VIỆN THẾ GIỚI**

Việc đánh giá *“Sự phát triển ngành TT-TV là gắn liền với sự phát triển của CNTT”* đã trở thành tư tưởng chỉ đạo đối với cộng đồng thư viện thế giới trong việc nhanh chóng phát triển ngành TT-TV. Từ đó, rất nhiều đổi mới trong ngành TT-TV được thực hiện, mà đổi mới cơ bản nhất là chương trình đào tạo. Hầu hết những cơ sở đào tạo ngành TT-TV đều được chuyển sang giảng dạy trong môi trường CNTT hay kỹ thuật. Chẳng hạn như những cơ sở đào tạo TT-TV của Vương quốc Anh, Singapore, hay New Zealand đã được đề cập ở trên. Ở Hoa Kỳ và một số quốc gia khác thì người ta tích cực đưa CNTT vào giảng dạy trong trường TT-TV. Nói chung chương trình đào tạo ngành TT-TV phải đặt nặng CNTT nhằm đào tạo đội ngũ chuyên viên thư viện am hiểu CNTT để đảm đương vai trò *“Đứng giữa lãnh đạo và nhà thầu”* trong công việc hiện đại hóa thư viện. Ngoài ra có những thay đổi cơ bản khác:

1. Ngành **“Thông tin học”** ra đời là song hành với **“Thư viện học”** và được xem như hai ngành riêng biệt. Có khi thì người ta cho rằng *“Mình với ta tuy hai mà một, ta với mình tuy một mà hai”*. Thế nhưng từ khi Thư viện được xem như gắn liền với CNTT thì một phần của Thông tin học đã gắn liền Thư viện học. Từ giữa thập niên 1970 một ngành học mới ra đời: **“Khoa học Thông tin và Thư viện – Library and Information Science”**. Mà người ta hay nói gọn là ngành Thông tin-Thư viện.

2. Nhờ ứng dụng thành tựu của CNTT và sự phát triển tốt bậc Mạng Internet, các Mạng Công cụ Thư tịch (Bibliographic Utilities) đã nhanh chóng phát triển giúp cho nghiệp vụ thư viện hay Công tác kỹ thuật (Technical Services) có thể chia sẻ với nhau giữa tất cả các thư viện trên thế giới một cách dễ dàng, như Mạng OCLC chẳng hạn. Khung phân loại LCC (Library of Congress Classification) ra đời và đang rất thịnh hành cũng là một minh chứng cho việc dễ dàng chia sẻ này. Từ đó ngành TT-TV thế giới đã có một thay đổi quan trọng là: Trước đây đối với Thư viện truyền thống thì người ta xem Nghiệp vụ Thư viện có mức độ quan trọng là 80% so với Công tác bạn đọc (Public Services) là 20%; ngày nay thì hoàn toàn ngược lại Dịch vụ Thông tin (Information Services) là 80% so với Công tác kỹ thuật là 20%.

Ngày nay trong các thư viện trên thế giới, Dịch vụ Thông tin với công việc nổi bật là Dịch vụ Tham khảo (Reference Services) với việc ứng dụng công nghệ mới mà chủ yếu là thành tựu của CNTT và viễn thông, mà người ta thường hay gọi chung là ITT (Information Technology-Telecommunication) để đáp ứng nhu cầu thông tin cho

người sử dụng đã là công việc hàng đầu trong tất cả công việc thư viện. Phòng Tham khảo (Reference Department) trở thành bộ mặt của một thư viện; người ta đánh giá thư viện qua hoạt động của phòng chức năng này. GS Robert Stueart đã phát biểu tại Trung tâm Thông tin KH-CN Quốc gia ở Hà nội vào năm 1994 rằng “*Giá trị của thư viện không ở chỗ thư viện có bao nhiêu tài nguyên thông tin mà ở chỗ thư viện đáp ứng nhu cầu thông tin một cách có hiệu quả như thế nào cho người sử dụng thông qua công nghệ mới*”. Một số thư viện trên thế giới đã đặt câu khẩu hiệu như sau tại Phòng Tham khảo của thư viện mình: “*Phòng Tham khảo là nơi sử dụng công nghệ để chuyển câu hỏi thành câu trả lời*”.

3. Nhờ tư duy về việc chuẩn hóa cao độ cũng như ứng dụng những công cụ chuẩn hóa bao gồm Chuẩn thư tịch (Bibliographic Standards) của Thư viện và Chuẩn kỹ thuật (Technical Standards) của CNTT, các thư viện trên thế giới luôn luôn có khuynh hướng liên thông và thực sự đã kết hợp rộng rãi với nhau qua những hình thức Liên hiệp Thư viện (Consortium) và Hệ thống Thư viện (Library System). Hay nói một cách khác: Ngày nay nói đến thư viện là nói đến sự liên kết thư viện. Thuật ngữ Thư viện luôn luôn ở dạng số nhiều: **Libraries**.

4. Hình ảnh rõ nét nhất trong việc Thư viện gắn liền với CNTT là việc xây dựng Thư viện số (Digital Library). Tại giai đoạn này đã có một phát biểu rất hay của Art Rynno (2004) rằng: “*Hiện nay trên thế giới, xu thế phát triển thư viện số đã trở thành một phần chủ đạo trong toàn cảnh hoạt động TT-TV, trong khi phần mềm nguồn mở trở thành một hiện tượng toàn cầu. Giống như nhiên liệu và động cơ trong kỹ thuật, nguồn mở và thư viện số là hai yếu tố không thể tách rời*”. Đó là lý do ngày nay việc xây dựng Thư viện số (Digital Library) là cơ hội đồng đều cho tất cả mọi người.

## **TỪ VIỆC MƠ HỒ “THƯ VIỆN GẮN LIỀN VỚI CÔNG NGHỆ THÔNG TIN” ĐÃ ĐƯA ĐẾN NHỮNG KHÓ KHĂN CHO THƯ VIỆN VIỆT NAM**

Những khó khăn cơ bản như sau:

### **1. Chậm đổi mới:**

Theo nhà thư viện học người Nga danh tiếng V.V. Xcvortxov, trong giáo trình “*Thư viện học đại cương*” được giảng dạy tại Nga, thì nền Thư viện học thế giới được chia thành 5 giai đoạn. Theo đó, ở giai đoạn (4) bước sang giữa thế kỷ XX đã hình thành một sự phân đôi giữa Thư viện học Xã hội chủ nghĩa và Thư viện học Tư bản chủ nghĩa; đến nay (thế kỷ XXI) là giai đoạn hợp nhất (5) – *Giai đoạn của sự phát triển thư viện như một môn khoa học thống nhất gắn liền với công nghệ thông tin*.

Ngành TT-TV Việt Nam đã từng phát triển theo hướng Thư viện Xã hội chủ nghĩa, cụ thể là theo Liên Xô cũ, thì trong giai đoạn hợp nhất hiện nay gặp nhiều khó khăn trong vấn đề nhận thức về sự chuẩn hóa và đổi mới nghiệp vụ. Do đó chậm phát triển. Bản thân ngành TT-TV Nga đã nhanh chóng thay đổi và hội nhập với cộng đồng thư viện thế giới.

Cộng đồng thế giới ngày nay đang phát triển theo khuynh hướng toàn cầu hóa. Chính sách của Đảng và Nhà nước ta là mở cửa. Nếu chúng ta không hội nhập thì chúng ta sẽ bị đào thải hoặc chậm phát triển. Khoa học kỹ thuật và những ngành tác động trực tiếp đến đời sống xã hội như Ngân hàng, Kinh tế, Kiểm toán, vv... thì chúng ta thấy ngay sự cần thiết của chuẩn hóa.

Ngành TT-TV ít được quan tâm và bản thân những người trong ngành, thậm chí đầu ngành không nhận thức sâu sắc rằng “*Sự phát triển ngành TT-TV là gắn liền với sự phát triển của CNTT*”, mà chỉ xem CNTT như là một ứng dụng bình thường như những ngành nghề khác. Ngoài ra, còn nhiều yếu tố tâm lý khác tác động đến việc nhận thức về chuẩn hóa dẫn đến việc chậm đổi mới như hiện nay. Ai cũng biết rằng “*Đổi mới là khó khăn*” nhưng đặc biệt trong ngành TT-TV “*Đổi mới là chìa khóa đi vào tương lai*” (Lesli Burger, 2006).

## **2. Thiếu nguồn nhân lực quản lý thư viện số:**

Khó khăn ở trên là nguyên nhân dẫn đến khó khăn thứ hai này. Vì chương trình đào tạo ngành TT-TV hiện nay thiếu cập nhật và hệ lụy là Chương trình đào tạo này chưa đáp ứng được những nhu cầu trong một xã hội đang thay đổi từng ngày. Chúng ta có nhiều cơ sở đào tạo, nhưng vẫn thiếu trầm trọng nguồn nhân lực để quản lý thư viện số nói riêng và để đáp ứng nhu cầu phát triển thư viện theo hướng chuẩn hóa-hội nhập nói chung.

## **3. Phát triển thiếu đồng bộ và lãng phí:**

Rõ ràng khó khăn thứ nhất và khó khăn thứ hai đã đưa đến khó khăn trực tiếp trong việc tin học hóa, hiện đại hóa thư viện Việt Nam hiện nay:

- Đại bộ phận thư viện chưa có điều kiện tin học hóa thì vẫn loay hoay với những giá trị cũ (Mục lục phân loại, Phân loại 19 dãy, vv...). Đứng ra thì nên thay đổi những chuẩn thư tịch theo hướng chuẩn hóa-hội nhập với những chuẩn quốc tế để chuẩn bị cho việc tự động hóa với những chuẩn đó.

- Một số thư viện có điều kiện tin học hóa và hiện đại hóa, trong số đó có những thư viện lớn, tiêu tốn rất nhiều tiền trong những dự án hiện đại hóa thư viện. Những thư viện này hoàn toàn giao phó mọi công việc cho nhà thầu và chuyên viên CNTT. Mỗi thư viện làm một kiểu khác nhau. Không hề có ý kiến của chuyên viên thư viện về chuẩn nghiệp vụ thư viện (Thực ra chuyên viên thư viện không biết phải làm gì!).

Tình trạng này là phổ biến. Các thư viện này chủ yếu là mua sắm những thiết bị hiện đại, đắt tiền rồi “trùm mền”. Rõ ràng việc làm này chỉ có lợi cho nhà thầu và những người có liên quan đến dự án hơn là làm lợi cho chính những thư viện đó và nhất là sự phát triển ngành TT-TV nước nhà.

## **KẾT LUẬN**

Tự động hóa thư viện, Tin học hóa, và Hiện đại hóa là bắt nguồn từ một Thư viện đã được:

- Chuẩn hóa (để dễ dàng ứng dụng CNTT và công nghệ mới đúng Chuẩn thư tịch Thư viện một cách đồng nhất);
- Hội nhập (để dễ dàng liên thông trên phạm vi toàn cầu).

Muốn thực hiện được điều đó phải có một đội ngũ chuyên viên thư viện được đào tạo **Nghiệp vụ thư viện đúng tiêu chuẩn** và **Kỹ năng CNTT cơ bản** với một Chương trình đào tạo theo tư tưởng chỉ đạo **“Thư viện gắn liền với CNTT”**. Chỉ có như vậy thì đội ngũ chuyên viên thư viện này mới phát huy đúng chức năng của mình là người quyết định phương thức và giải pháp Tự động hóa thư viện, Tin học hóa, và Hiện đại hóa chứ không phải chuyên viên CNTT.

Cả thế giới đã và đang làm như thế. Thư viện thế giới đã hoạt động đồng nhất với tinh thần hội nhập cao độ. Những sản phẩm công nghệ hỗ trợ thư viện như Phần mềm quản lý thư viện chẳng hạn chỉ có giá trị khi có sự thông qua của chuyên gia thư viện như Hội Thư viện Quốc gia hay Hiệp hội Thư viện Quốc tế.

Ở nước ta, chúng ta hoàn toàn thông cảm cho sinh viên TT-TV cũng như đội ngũ chuyên viên TT-TV về việc họ e ngại CNTT. Từ đó tạo nên một nghịch lý: Đất nước còn nghèo, ngành TT-TV còn lạc hậu, nhưng đã lãng phí tiền của một cách đáng kể cho việc ứng dụng tin học và công nghệ mới. Ngày càng có nhiều thư viện chi tiền vô tội vạ cho những dự án gọi là nâng cấp thư viện, tin học hóa, hiện đại hóa, thư viện số vv... một cách thiếu đồng bộ. Mỗi thư viện làm theo sự tư vấn thậm chí chỉ đạo của mỗi nhà thầu CNTT khác nhau. Đúng là hiện đại về mặt công nghệ nhưng thiếu vắng về nghiệp vụ thư viện. Những thư viện đó tự cho mình là hiện đại và hay, hiện đại hơn và hay hơn thư viện khác, thậm chí hiện đại nhất Việt Nam.

Thế thì mỗi cái hiện đại đó giúp ích gì cho sự phát triển của Thư viện Việt Nam; đó là chúng ta chưa nhắc đến có nhiều thư viện trong ngành giáo dục chưa bao giờ sở hữu cho mình một cái máy tính!

Bao giờ tất cả mọi người đều thấm nhuần tư duy **“Thư viện gắn liền với CNTT”** đặc biệt là trong giới “cầm cân nảy mực” để có đổi mới sâu sắc trong vấn đề đào tạo ngành TT-TV, khi đó bộ mặt Thư viện Việt Nam mới thực sự thay đổi theo hướng hội nhập với cộng đồng thế giới. Chừng đó ta lại mơ ước Luật Thư viện sẽ ra đời.

## TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. NGUYỄN MINH HIỆP. *Cơ sở khoa học thông tin và thư viện*. – TP. HCM : Giáo dục, 2008.
2. REITZ, Joan M. *Dictionary for Library and Information Science*. – Westport, Connecticut: Libraries Unlimited, 2004.
3. RUBIN, Richard E. *Foundations of Library and Information Science..* – 3<sup>rd</sup> edition. – New York: Neal – Schuman Publishers, Inc., 2010.
4. RHINO, Art. *Using Open Source Systems for Digital Libraries.*-Westport, Connecticut: Libraries Unlimited, 2004.
5. *Thư viện và nghề thư viện* / Nguyễn Minh Hiệp chủ biên.- TP. HCM.: Thông tin-Văn hóa, 2013.
6. XCVORTXOV, V.V. *Thư viện học đại cương: Phần 1: Những cơ sở lý thuyết của Thư viện học* / Nguyễn Thị Thư dịch.- Hà Nội: Văn hóa Thông tin, 2004.